

ĐI U L

Tr ng trung h c c s , tr ng trung h c ph thông

và tr ng ph thông có nhi u c p h c

(Ban hành kèm theo Thông t s : 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3 /2011

c a B tr ng B Giáo d c và Đào t o)

Ch ng I

NH NG QUY Đ NH CHUNG

Đi u 1. Ph m vi đi u ch nh và đ i t ng áp d ng

1. Đi u l tr ng trung h c c s (THCS), tr ng trung h c ph thông (THPT) và tr ng ph thông có nhi u c p h c quy đ nh v t ch c và qu n lý nhà tr ng; ch ng trình và các ho t đ ng giáo d c; giáo viên; h c sinh; tài s n c a tr ng; quan h gi a nhà tr ng, gia đình và xã h i.

2. Điều lệ này áp dụng cho các trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là trường trung học), tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Trường do các tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nước ngoài đầu tư được quy định tại văn bản khác.

Điều 2. Vị trí của trường trung học trong hệ thống giáo dục quốc dân

Trường trung học là cấp giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tổ chức pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường trung học

Trường trung học có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp THCS và cấp THPT do Bộ trưởng-Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

2. Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

3. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục trong phạm vi được phân công.

5. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

6. Quản lý, sử dụng và bảo vệ nguồn tài sản vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.

7. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

8. Thực hiện các hoạt động văn kiện định hướng phát triển giáo dục.

9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Loại hình và hình thức trường trung học

1. Trường trung học được tổ chức theo hai loại hình: công lập và tư thục.

a) Trường công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thành lập và Nhà nước trực tiếp quản lý. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm;

b) Trường tư thục do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của trường tư thục là nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

2. Các trường có một cấp học gọi là:

a) Tr ng trung h c c s ;

b) Tr ng trung h c ph thông.

3. Các tr ng ph thông có nhi u c p h c g m:

a) Tr ng ti u h c và trung h c c s ;

b) Tr ng trung h c c s và trung h c ph thông;

c) Tr ng ti u h c, trung h c c s và trung h c ph thông.

4. Các tr ng chuyên bi t g m:

a) Tr ng ph thông dân t c n i trú, tr ng ph thông dân t c bán trú;

b) Tr ng chuyên, tr ng năng khi u;

c) Tr ng dành cho ng i tàn t, khu t t;

d) Tr ng giáo d ng.

Điề u 5. Tên tr ng, bi n tên tr ng

1. Việc đặt tên trường được quy định như sau:

Trường trung học cơ sở (họ chữ: trung học phổ thông; tiểu học và trung học cơ sở; trung học cơ sở và trung học phổ thông; tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; trung học phổ thông chuyên) + tên riêng của trường.

2. Tên trường được ghi trên quy định thành lập, con dấu, biểu tên trường và giấy tờ giao dịch.

3. Biểu tên trường ghi như nội dung sau:

a) Góc phía trên, bên trái:

- Đối với trường trung học có cấp học cao nhất là cấp THCS:

Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố) trực thuộc tỉnh và tên huyện (quận, thị xã, thành phố) trực thuộc;

Dòng thứ hai: Phòng giáo dục và đào tạo.

- Đối với trường trung học có cấp THPT:

Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Điều lệ trường THPT

Vị trí bài Super Administrator

Thứ ba, 17 Tháng 5 2011 15:03 -

Dòng thứ hai: Số giáo dục và đào tạo.

b) Ghi lại tên trường theo quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;

c) Đồng ý cùng là địa chỉ, số điện thoại.

4. Tên trường và biến tên trường của trường chuyên biệt có quy chế tổ chức và hoạt động riêng thì thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của loại trường chuyên biệt đó.

Điều 6. Phân cấp quản lý

1. Trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS do phòng giáo dục và đào tạo quản lý.

2. Trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THPT do sở giáo dục và đào tạo quản lý.

3. Trường chuyên biệt có quy chế tổ chức và hoạt động riêng thì thực hiện phân cấp quản lý theo quy chế tổ chức và hoạt động của loại trường chuyên biệt đó.

Điều 7. Tổ chức và hoạt động của trường trung học có cấp tiểu học, trường trung học chuyên biệt và trường trung học tích hợp

1. Trường trung học có cấp tiểu học phải tuân theo các quy định của Điều lệ này và Điều lệ trường tiểu học.

2. Các tr ườ ng trung h ồ c chuyên bi ệ t, tr ườ ng trung h ồ c t ồ th ồ c quy đ ồ nh t ầ i Điề u 4 c ầ a Điề u l ầ này tuân theo các quy đ ồ nh c ầ a Điề u l ầ này và quy ch ồ t ồ ch ồ c và ho ầ t đ ồ ng c ầ a tr ườ ng chuyên bi ệ t, tr ườ ng t ồ th ồ c do B ộ tr ườ ng B ộ Giáo d ồ c và Đ ào t ồ o ban hành.

Điề u 8. N ề i quy tr ườ ng trung h ồ c

Các tr ườ ng trung h ồ c căn c ầ các quy đ ồ nh c ầ a Điề u l ầ này và các quy ch ồ , điề u l ầ quy đ ồ nh t ầ i Điề u 7 c ầ a Điề u l ầ này (đ ồ i v ề i tr ườ ng trung h ồ c có c ầ p t ầ u h ồ c, tr ườ ng trung h ồ c chuyên bi ệ t, tr ườ ng trung h ồ c t ồ th ồ c) đ ồ xây đ ồ ng n ề i quy c ầ a tr ườ ng mình.

Ch ồ ng l ầ

T ồ CH ồ C VÀ QU ồ N L Ỡ NHÀ TR ườ NG

Điề u 9. Điề u ki ề n thành l ầ p ho ồ c cho phép thành l ầ p và điề u ki ề n đ ồ đ ồ c cho phép ho ầ t đ ồ ng giáo d ồ c

1. Điề u ki ề n thành l ầ p ho ồ c cho phép thành l ầ p tr ườ ng trung h ồ c:

a) Có Đ ồ án thành l ầ p tr ườ ng phù h ồ p v ề i quy ho ồ ch phát tri ề n kinh t ồ - xã h ồ i và quy ho ồ ch m ồ ng l ồ i c ầ s ồ giáo d ồ c đã đ ồ c c ầ quan có th ồ m quy ề n phê duy ồ t;

b) Đ ồ án thành l ầ p tr ườ ng xác đ ồ nh rõ m ồ c tiêu, nhi ề m v ề , ch ồ ng tr ồ ng và n ề i dung giáo d ồ c; đ ồ t đ ồ i, c ầ s ồ v ồ t ch ồ t, thi ồ t b ồ , đ ồ a đ ồ m đ ồ ki ề n xây đ ồ ng tr ườ ng, t ồ ch ồ c b ồ máy, ngu ồ n l ồ c và tài chính; ph ồ ng h ồ ng chi ồ n l ồ c xây đ ồ ng và phát tri ề n nhà tr ườ ng.

2. Điề u ki ề n đ ồ đ ồ c cho phép ho ầ t đ ồ ng giáo d ồ c:

- a) Có quy định thành lập hoặc quy định cho phép thành lập trường;
- b) Có đất đai, trường sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục;
- c) Đảm bảo cơ sở trường sở o đảm bảo môi trường giáo dục, an toàn cho học sinh, giáo viên, cán bộ và nhân viên;
- d) Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định phù hợp với môi trường học;
- đ) Có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn và phẩm chất và đạt trình độ chuẩn để đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp học; đủ số lượng theo cấp học và loại hình giáo viên đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và thực hiện các hoạt động giáo dục;
- e) Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động giáo dục;
- g) Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Trong thời hạn quy định cho phép, nếu nhà trường có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 của Điều này thì được cấp quan có thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục; hết thời hạn quy định cho phép, nếu không đủ điều kiện thì quy định thành lập hoặc quy định cho phép thành lập bổ sung lại.

4. Điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập đối với trường trung học chuyên biệt được thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

Điề u 10. Th m quy n thành l p ho c cho phép thành l p; cho phép ho t đ ng giáo d c

1. Ch t ch U ban nhân dân huy n, qu n, th xã, thành ph thu c t nh (sau đây g i chung là c p huy n) quy t đ nh thành l p ho c cho phép thành l p đ i v i tr ng THCS và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THCS; Ch t ch U ban nhân dân t nh, thành ph tr c thu c Trung ng (sau đây g i chung là c p t nh) quy t đ nh thành l p ho c cho phép thành l p đ i v i các tr ng THPT và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THPT.

2. Tr ng phòng giáo d c và đào t o quy t đ nh cho phép ho t đ ng giáo d c đ i v i tr ng THCS và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THCS; Giám đ c s giáo d c và đào t o quy t đ nh cho phép ho t đ ng giáo d c đ i v i tr ng THPT và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THPT.

Điề u 11. H s và trình t , th t c thành l p ho c cho phép thành l p; cho phép ho t đ ng giáo d c đ i v i tr ng trung h c

1. H s đ ngh thành l p ho c cho phép thành l p tr ng trung h c:

a) Đ án thành l p tr ng;

b) T trình v Đ án thành l p tr ng, d th o Quy ch ho t đ ng c a tr ng;

c) S y u lí l ch kèm theo b n sao văn b ng, ch ng ch h p l c a ng i d ki n b trí làm Hi u tr ng;

d) Ý ki n b ng văn b n c a các c quan có liên quan v vi c thành l p ho c cho phép thành l p tr ng;

đ) Báo cáo gi i trình vi c ti p thu ý ki n c a các c quan có liên quan và báo cáo b sung theo ý ki n ch đ o c a y ban c p huy n ho c y ban nhân dân c p t nh (n u có).

2. Trình t , th t c thành l p ho c cho phép thành l p tr ng trung h c:

a) U ban nhân dân c p xã, ph ng, th tr n (sau đây gi chung là c p xã) đ i v i tr ng THCS và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THCS; U ban nhân dân c p huy n đ i v i tr ng THPT và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THPT; t ch c ho c cá nhân đ i v i các tr ng trung h c t th c có trách nhi m l p h s theo quy đ nh t i kho n 1 c a Đi u này;

b) Phòng giáo d c và đào t o (đ i v i tr ng THCS và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THCS), s giáo d c và đào t o (đ i v i tr ng THPT và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THPT) ti p nh n h s , xem xét đ i u ki n thành l p tr ng theo quy đ nh t i kho n 1 Đi u 9 c a Đi u l này. Trong th i h n 20 ngày làm vi c k t ngày nh n đ h s h p l , n u th y đ đ i u ki n, c quan ti p nh n h s có ý ki n b ng văn b n và gi i h s đ ngh thành l p ho c cho phép thành l p tr ng đ n y ban nhân dân c p huy n (đ i v i tr ng THCS và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THCS) ho c c p t nh (đ i v i tr ng THPT và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THPT);

c) y ban nhân dân c p huy n ho c c p t nh nh n h s , xem xét đ i u ki n thành l p tr ng theo quy đ nh t i kho n 1 Đi u 9 c a Đi u l này. Trong th i h n 20 ngày làm vi c k t ngày nh n đ h s h p l , y ban nhân dân c p huy n ra quy t đ nh thành l p ho c cho phép thành l p đ i v i tr ng THCS và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THCS; y ban nhân dân c p t nh ra quy t đ nh thành l p ho c cho phép thành l p đ i v i tr ng THPT và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THPT. Tr ng h p ch a quy t đ nh thành l p ho c ch a cho phép thành l p tr ng, c quan có th m quy n thành l p ho c cho phép thành l p tr ng trung h c có văn b n thông báo cho c quan ti p nh n h s bi t rõ lí do và h ng gi i quy t.

3. H s đ ngh cho phép nhà tr ng ho t đ ng giáo d c:

a) T trình đ ngh cho phép nhà tr ng ho t đ ng giáo d c;

b) Quy định thành lập hoặc cho phép thành lập trường;

c) Văn bản tham mưu của các cơ quan có liên quan về các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này.

4. Trình tự, thủ tục cho phép nhà trường hoạt động giáo dục:

a) Trường trung học công lập, đối diện của tổ chức hoặc cá nhân đối với trường trung học tư thục có trách nhiệm lập hồ sơ đăng ký cho phép hoạt động giáo dục theo quy định tại khoản 3 của Điều này;

b) Phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS), sở giáo dục và đào tạo (đối với trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THPT) nhận hồ sơ, xem xét điều kiện để quyết định cho phép hoạt động giáo dục quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Trường phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS), Giám đốc sở giáo dục và đào tạo (đối với trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THPT) ra quyết định cho phép nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục. Trường hợp chấp thuận quyết định cho phép hoạt động giáo dục, cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục có văn bản thông báo cho trường biết rõ lý do và hướng giải quyết.

Điều 12. Sắp xếp, chia, tách trường trung học

1. Việc sắp xếp, chia, tách trường phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới giáo dục và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Báo động quy định nội dung của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

c) Báo động an toàn và quy định nội dung của học sinh, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

2. Công có thể quy định quy định thành lập hoặc cho phép thành lập thì có thể quy định quy định để sáp nhập, chia, tách trường. Trường hợp sáp nhập giữa các trường không do cùng một công có thể quy định thành lập thì công có thể quy định cao hơn quy định để sáp nhập; trường hợp công có thể quy định thành lập ngang nhau thì công có thể quy định ngang nhau đối tượng quy định để sáp nhập.

3. Học sinh, trình độ và thời gian sáp nhập, chia, tách trường để thành lập hoặc cho phép thành lập trường mới tuân theo các quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

Điều 13. Đình chỉ hoạt động giáo dục của trường trung học

1. Việc đình chỉ hoạt động giáo dục của trường trung học được thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Có hành vi gian lận để được cho phép hoạt động giáo dục;

b) Không báo động một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này;

c) Người cho phép hoạt động giáo dục không đúng thẩm quyền;

d) Không triển khai hoạt động giáo dục trong thời hạn 01 năm kể từ ngày được phép hoạt động giáo dục;

đ) Vi ph ạm quy đ ị nh c ấ a pháp lu ậ t v ề gi ấ o d ị c b ằ x ả ph ậ t vi ph ạm hành chính ằ m ằ c đ ị ph ậ i đ ị nh ch ằ ;

e) Vi ph ạm nghiêm tr ị ng các quy đ ị nh v ề m ằ c tiêu, k ằ ho ằ ch, ch ằ t l ằ ằ ng gi ấ o d ị c, quy ch ằ chuyên môn, quy ch ằ thi c ằ ;

f) Các tr ị ng h ằ p vi ph ạm khác theo quy đ ị nh c ấ a pháp lu ậ t.

2. Ng ằ ằ i có th ằ m quy ằ n cho phép ho ằ t đ ằ ng gi ấ o d ị c thì có th ằ m quy ằ n quy ằ t đ ằ nh đ ị nh ch ằ ho ằ t đ ằ ng gi ấ o d ị c c ấ a nhà tr ị ng. Quy ằ t đ ằ nh đ ị nh ch ằ ho ằ t đ ằ ng gi ấ o d ị c c ấ a nhà tr ị ng ph ậ i xác đ ằ nh rõ lý do đ ị nh ch ằ ho ằ t đ ằ ng gi ấ o d ị c, th ằ i h ằ n đ ị nh ch ằ ; các bi ằ n pháp đ ằ m b ằ o quy ằ n l ằ i c ấ a gi ấ o viên, nhân viên, h ằ c sinh và ng ằ ằ i lao đ ằ ng trong tr ị ng. Quy ằ t đ ằ nh đ ị nh ch ằ ho ằ t đ ằ ng gi ấ o d ị c c ấ a tr ị ng ph ậ i đ ằ ằ c công b ằ công khai trên các ph ằ ằ ng ti ằ n thông tin đ ằ i chúng.

3. Trình t ằ , th ằ t ằ c đ ị nh ch ằ ho ằ t đ ằ ng gi ấ o d ị c c ấ a tr ị ng trung h ằ c:

a) Khi tr ị ng trung h ằ c vi ph ạm quy đ ị nh t ằ i kho ằ n 1 Đ ị u này, phòng gi ấ o d ị c và đào t ằ o (đ ằ i v ề i tr ị ng THCS và tr ị ng ph ằ thông có nhi ằ u c ằ p h ằ c có c ằ p h ằ c cao nh ằ t là THCS), s ằ gi ấ o d ị c và đào t ằ o (đ ằ i v ề i tr ị ng THPT và tr ị ng ph ằ thông có nhi ằ u c ằ p h ằ c có c ằ p h ằ c cao nh ằ t là THPT) t ằ ch ằ c ki ằ m tra, đ ằ nh giá m ằ c đ ị vi ph ậm;

b) Tr ị ng phòng gi ấ o d ị c và đào t ằ o (đ ằ i v ề i tr ị ng trung h ằ c do U ằ ban nhân dân c ằ p huy ằ n ra quy ằ t đ ằ nh thành l ằ p), Gi ằ m đ ằ c s ằ gi ấ o d ị c và đào t ằ o (đ ằ i v ề i tr ị ng trung h ằ c do U ằ ban nhân dân c ằ p t ằ nh ra quy ằ t đ ằ nh thành l ằ p) căn c ằ m ằ c đ ị vi ph ậm, ra quy ằ t đ ằ nh đ ị nh ch ằ ho ằ t đ ằ ng gi ấ o d ị c c ấ a tr ị ng và báo cáo c ằ quan có th ằ m quy ằ t đ ằ nh thành l ằ p ho ằ c cho phép thành l ằ p tr ị ng.

c) Sau th ằ i h ằ n đ ị nh ch ằ , n ằ u nguyên nhân đ ằ n đ ằ n v ề c đ ị nh ch ằ đ ằ ằ c kh ằ c ph ằ c và đ ằ n v ề b ằ đ ị nh ch ằ có h ằ s ằ đ ằ ngh ằ đ ằ ằ c ho ằ t đ ằ ng gi ấ o d ị c tr ằ l ằ i (th ằ c hi ằ n theo quy đ ị nh t ằ i kho ằ n 3 Đ ị u 11 c ấ a Đ ị u l ị này) thì ng ằ ằ i có th ằ m quy ằ n quy ằ t đ ằ nh đ ị nh ch ằ ra quy ằ t đ ằ nh cho phép nhà tr ị ng ho ằ t đ ằ ng gi ấ o d ị c tr ằ l ằ i. Trong tr ị ng h ằ p ch ằ a cho phép ho ằ t đ ằ ng gi ấ o d ị c tr ằ

Điều lệ trường THPT

Viết bởi Super Administrator

Thứ ba, 17 Tháng 5 2011 15:03 -

Để thi công có thể quy định quy định để định chế hoặc để giáo dục có văn bản thông báo cho trường công bố rõ lý do và hướng dẫn quy định.

4. Hội đồng định chế hoặc để giáo dục:

a) Quy định để định thành lập đoàn kiểm tra;

b) Biên bản kiểm tra;

c) Quy định để định chế hoặc để giáo dục.

Điều 14. Giới thiệu trường trung học

1. Trường trung học bị giới thiệu khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về quản lý, tài chính, hoặc để giáo dục nhà trường;

b) Hội đồng định chế hoặc để giáo dục mà không có quyền quyết định nguyên nhân dẫn đến vi phạm định chế;

c) Mục tiêu, nội dung hoặc để giáo dục trong quy định để định thành lập hoặc cho phép thành lập trường công không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

d) Theo đề nghị của tài chính, cá nhân thành lập trường.

2. Công có thể quy định quy định thành lập hoặc cho phép thành lập thì có thể quy định quy định ghi tên nhà trường.

3. Phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường trung học do Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thành lập); sở giáo dục và đào tạo (đối với trường trung học do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập); tổ chức, cá nhân thành lập trường (đối với trường trung học tư thục) xây dựng phướng án ghi tên nhà trường, trình cơ quan có thể quy định ra quyết định ghi tên nhà trường. Quyết định ghi tên nhà trường phải xác định rõ lý do ghi tên; các biện pháp đảm bảo quy định của giáo viên, nhân viên và học sinh. Quyết định ghi tên nhà trường phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Trình tự, thủ tục ghi tên trường trung học:

a) Phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS), sở giáo dục và đào tạo (đối với trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THPT) tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ vi phạm theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 của Điều lệ này hoặc xem xét đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường; báo cáo bằng văn bản đề nghị cơ quan có thể quy định thành lập hoặc cho phép thành lập trường ra quyết định ghi tên nhà trường.

b) Cơ quan có thể quy định thành lập hoặc cho phép thành lập trường ra quyết định ghi tên nhà trường trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Hồ sơ ghi tên nhà trường:

a) Trường trung học ghi tên theo điểm a, điểm d khoản 1 Điều lệ này, hồ sơ gồm:

- Trình xin ghi tên của tổ chức, cá nhân hoặc chủ tịch xã phường thị trấn tại địa phương;
- Quyết định thành lập đơn vị;

- Biên bản kiểm tra;

- Trình độ nghề nghiệp của phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS), sở giáo dục và đào tạo (đối với trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THPT).

b) Trường trung học giữ theo định mức, định mức khoản 1 Điều này, hệ số gồm:

- Hệ số định chế độ công giáo dục;

- Các văn bản và việc không thực hiện các nguyên nhân ban định chế độ công giáo dục;

- Trình độ nghề nghiệp của phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS), sở giáo dục và đào tạo (đối với trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THPT).

Điều 15. Lập, tổ chức sinh

1. Lập

a) Học sinh được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có từ 15 đến 25 học sinh do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học;

b) Mỗi lớp các cấp THCS và THPT có không quá 45 học sinh;

c) S ố h ọ c sinh trong m ớ i l ầ p c ầ a tr ườ ng chuyên bi ệ t đ ể c quy đ ể nh trong quy ch ế t ồ ch ế c và ho ặ t đ ồ ng c ầ a tr ườ ng chuyên bi ệ t.

2. M ớ i l ầ p đ ể c chia thành nhi ề u t ồ h ọ c sinh. M ớ i t ồ không quá 12 h ọ c sinh, có t ồ tr ườ ng, 1 t ồ phó do các thành viên c ầ a t ồ b ầ u ra vào đ ể u m ớ i năm h ọ c.

Điề u 16. T ồ chuyên môn

1. Hi ệ u tr ườ ng, các Phó Hi ệ u tr ườ ng, giáo viên, viên ch ế c làm công tác th ồ vi ệ n, thi ệ t b ầ giáo d ồ c, cán b ầ làm công tác t ồ v ầ n cho h ọ c sinh c ầ a tr ườ ng trung h ọ c đ ể c t ồ ch ế c thành t ồ chuyên môn theo môn h ọ c, nhóm môn h ọ c ho ặ c nhóm các ho ặ t đ ồ ng ồ t ồ ng c ầ p h ọ c THCS, THPT. M ớ i t ồ chuyên môn có t ồ tr ườ ng, t ồ 1 đ ể n 2 t ồ phó ch ồ u s ồ qu ầ n lý ch ồ đ ồ o c ầ a Hi ệ u tr ườ ng, do Hi ệ u tr ườ ng b ầ nhi ề m trên c ầ s ồ gi ồ i thi ồ u c ầ a t ồ chuyên môn và giao nhi ề m v ầ vào đ ể u năm h ọ c.

2. T ồ chuyên môn có nh ề ng nhi ề m v ầ sau:

a) Xây d ồ ng và th ồ c hi ồ n k ồ ho ặ ch ho ặ t đ ồ ng chung c ầ a t ồ , h ồ ồ ng d ồ n xây d ồ ng và qu ầ n lý k ồ ho ặ ch cá nhân c ầ a t ồ viên theo k ồ ho ặ ch đ ồ y h ọ c, phân ph ồ i ch ồ ồ ng trình và các ho ặ t đ ồ ng giáo d ồ c khác c ầ a nhà tr ườ ng;

b) T ồ ch ế c b ầ i đ ồ ồ ng chuyên môn và nghi ồ p v ầ ; tham gia đánh giá, x ồ p lo ồ i các thành viên c ầ a t ồ theo quy đ ể nh c ầ a Chu ồ n ngh ồ nghi ồ p giáo viên trung h ọ c và các quy đ ể nh khác hi ồ n hành;

c) Gi ồ i thi ồ u t ồ tr ườ ng, t ồ phó;

d) Đ ồ xu ồ t khen th ồ ồ ng, k ồ lu ồ t đ ồ i v ầ i giáo viên.

Điều lệ trường THPT

Viết bởi Super Administrator

Thứ ba, 17 Tháng 5 2011 15:03 -

3. Trường chuyên môn sinh hoạt hai tuần một lần và có thể họp đột xuất theo yêu cầu công việc hay khi Hiệu trưởng yêu cầu.

Điều 17. Tổ Văn phòng

1. Mỗi trường trung học có một tổ Văn phòng, gồm viên chức làm công tác văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế trường học và nhân viên khác.

2. Tổ Văn phòng có tổ trưởng và tổ phó, do Hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ.

3. Tổ Văn phòng sinh hoạt hai tuần một lần và các sinh hoạt khác khi có nhu cầu công việc hay khi Hiệu trưởng yêu cầu.

Điều 18. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng

1. Mỗi trường trung học có Hiệu trưởng và một số Phó Hiệu trưởng. Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng là 5 năm, thời gian đếm nhẩm nên chức vụ Hiệu trưởng không quá 2 nhiệm kỳ ở một trường trung học.

2. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phải có các tiêu chuẩn sau:

a) Về trình độ đào tạo và thời gian công tác: phải đạt trình độ chuẩn để đào tạo cấp nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp học, đạt trình độ chuẩn để đào tạo ở cấp học cao nhất đối với trường phổ thông có nhiệm vụ cấp học và đã dạy học ít nhất 5 năm (hoặc 4 năm đối với miền núi, hải đảo, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) ở cấp học đó;

b) Hiệu trưởng phải đạt tiêu chuẩn quy định tại Chuẩn hiệu trưởng trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiệm vụ cấp học. Phó Hiệu trưởng phải đạt mức cao cấp chuẩn

ng h ồ nghi ệ p giáo viên c ầ p h ầ c t ườ ng ườ ng và đ ể n ắ ng l ầ c đ ể m nhi ệ m các nhi ệ m v ề do Hi ệ u tr ườ ng phân công.

3. Th ể m quy ể n b ả nhi ệ m ho ầ c công nh ậ n Hi ệ u tr ườ ng, Phó Hi ệ u tr ườ ng tr ườ ng trung h ầ c:

Tr ườ ng phòng giáo d ể c và đ ầ o t ườ o (đ ể i v ề i tr ườ ng THCS và tr ườ ng ph ầ thông có nhi ệ u c ầ p h ầ c có c ầ p h ầ c cao nh ấ t là THCS), Giám đ ể c s ầ giáo d ể c và đ ầ o t ườ o (đ ể i v ề i tr ườ ng THPT và tr ườ ng ph ầ thông có nhi ệ u c ầ p h ầ c có c ầ p h ầ c cao nh ấ t là THPT) ra quy ể t đ ể nh ậ b ả nhi ệ m Hi ệ u tr ườ ng, Phó Hi ệ u tr ườ ng đ ể i v ề i tr ườ ng công l ầ p, công nh ậ n Hi ệ u tr ườ ng, Phó Hi ệ u tr ườ ng đ ể i v ề i tr ườ ng t ầ th ầ c sau khi th ầ c hi ệ n các quy trình b ả nhi ệ m cán b ả theo quy đ ể nh ậ n hành c ầ a Nhà n ườ c. N ườ nhà tr ườ ng đã có H ồ i đ ể ng tr ườ ng, quy trình b ả nhi ệ m ho ầ c công nh ậ n Hi ệ u tr ườ ng, Phó Hi ệ u tr ườ ng đ ể c th ầ c hi ệ n trên c ầ s ầ gi ể i thi ệ u c ầ a H ồ i đ ể ng tr ườ ng.

4. Ng ườ i có th ể m quy ể n b ả nhi ệ m thì có quy ể n b ả nhi ệ m l ầ i, mi ệ n nhi ệ m Hi ệ u tr ườ ng, Phó Hi ệ u tr ườ ng tr ườ ng trung h ầ c.

Điề u 19. Nhi ệ m v ề và quy ể n h ầ n c ầ a Hi ệ u tr ườ ng, Phó Hi ệ u tr ườ ng

1. Nhi ệ m v ề và quy ể n h ầ n c ầ a Hi ệ u tr ườ ng

a) Xây d ể ng, t ầ ch ầ c b ả máy nhà tr ườ ng;

b) Th ầ c hi ệ n các quy ể t ngh ề c ầ a H ồ i đ ể ng tr ườ ng đ ể c quy đ ể nh ậ t ầ i kho ầ n 3 Điề u 20 c ầ a Điề u l ầ này;

c) Xây d ể ng quy ho ầ ch phát tri ể n nhà tr ườ ng; xây d ể ng và t ầ ch ầ c th ầ c hi ệ n k ầ ho ầ ch nhi ệ m v ề n ầ m h ầ c; báo cáo, đánh giá k ầ t qu ầ th ầ c hi ệ n tr ườ c H ồ i đ ể ng tr ườ ng và các c ầ p có th ể m quy ể n;

d) Thành p các t chuyên môn, t văn phòng và các h i đ ng t v n trong nhà tr ng; b nhi m t tr ng, t phó; đ xu t các thành viên c a H i đ ng tr ng trình c p có th m quy n quy t đ nh;

đ) Qu n lý giáo viên, nhân viên; qu n lý chuyên môn; phân công công tác, ki m tra, đánh giá x p lo i giáo viên, nhân viên; th c hi n công tác khen th ng, k lu t đ i v i giáo viên, nhân viên; th c hi n vi c tuy n d ng giáo viên, nhân viên; ký h p đ ng lao đ ng; ti p nh n, đ i u đ ng giáo viên, nhân viên theo quy đ nh c a Nhà n c;

e) Qu n lý h c sinh và các ho t đ ng c a h c sinh do nhà tr ng t ch c; xét duy t k t qu đánh giá, x p lo i h c sinh, ký xác nh n h c b , ký xác nh n hoàn thành ch ng trình ti u h c cho h c sinh ti u h c (n u có) c a tr ng ph thông có nhi u c p h c và quy t đ nh khen th ng, k lu t h c sinh;

g) Qu n lý tài chính, tài s n c a nhà tr ng;

h) Th c hi n các ch đ chính sách c a Nhà n c đ i v i giáo viên, nhân viên, h c sinh; t ch c th c hi n quy ch dân ch trong ho t đ ng c a nhà tr ng; th c hi n công tác xã h i hoá giáo d c c a nhà tr ng;

i) Ch đ o th c hi n các phong trào thi đua, các cu c v n đ ng c a ngành; th c hi n công khai đ i v i nhà tr ng;

k) Đ c đào t o nâng cao trình đ , b i d ng chuyên môn, nghi p v và h ng các ch đ , chính sách theo quy đ nh c a pháp lu t.

2. Nhi m v và quy n h n c a Phó Hi u tr ng

a) Th c hi n và ch u trách nhi m tr c Hi u tr ng v nhi m v đ c Hi u tr ng phân công;

b) Cùng với Hội trường chủ trì trách nhiệm trực tiếp trên và phân việc được giao;

c) Thay mặt Hội trường điều hành hoạt động của nhà trường khi được Hội trường ủy quyền;

d) Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hướng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Hội đồng trường

1. Hội đồng trường đối với trường trung học công lập, Hội đồng quản trị đối với trường trung học tư thục (sau đây gọi chung là Hội đồng trường) là tổ chức chủ trì trách nhiệm quy định và phê duyệt hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, giám sát nhà trường và xã hội, báo cáo mọi thắc mắc tiêu giáo dục.

2. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng trường trung học công lập:

Hội đồng trường gồm: đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban giám hiệu nhà trường, đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có), đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ Văn phòng.

Hội đồng trường có Chủ tịch, 1 thư ký và các thành viên khác. Tổng số thành viên của Hội đồng trường từ 9 đến 13 người.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường trung học công lập:

a) Quy t ngh v m c tiêu, chi n l c, các đ án, k ho ch và ph ng h ng phát tri n c a nhà tr ng;

b) Quy t ngh v quy ch ho c s a đ i, b sung quy ch t ch c và ho t đ ng c a nhà tr ng đ trình c p có th m quy n phê duy t;

c) Quy t ngh v ch tr ng s đ ng tài chính, tài s n c a nhà tr ng;

d) Giám sát vi c th c hi n các quy t ngh c a H i đ ng tr ng, vi c th c hi n quy ch dân ch trong các ho t đ ng c a nhà tr ng; giám sát các ho t đ ng c a nhà tr ng.

4. Ho t đ ng c a H i đ ng tr ng trung h c công lp:

a) H i đ ng tr ng h p th ng k ít nh t ba l n trong m t năm. Trong tr ng h p c n thi t, khi Hi u tr ng ho c ít nh t m t ph n ba s thành viên H i đ ng tr ng đ ngh , Ch t ch H i đ ng tr ng có quy n tri u t p phiên h p b t th ng đ gi i quy t nh ng v n đ phát sinh trong quá trình th c hi n nhi m v và quy n h n c a nhà tr ng. Ch t ch H i đ ng tr ng có th m i đ i di n Ban đ i di n cha m h c sinh c a tr ng, đ i di n chính quy n và đoàn th đ a ph ng tham d cu c h p c a H i đ ng tr ng khi c n thi t.

b) Phiên h p H i đ ng tr ng đ c coi là h p l khi có m t t ba ph n t s thành viên c a H i đ ng tr lên (trong đó có Ch t ch H i đ ng). Quy t ngh c a H i đ ng tr ng đ c thông qua b ng bi u quy t ho c l y ý ki n b ng văn b n t i cu c h p và ch có hi u l c khi đ c ít nh t hai ph n ba s thành viên có m t t i cu c h p nh t trí. Quy t ngh c a H i đ ng tr ng đ c công b công khai.

c) Hi u tr ng nhà tr ng có trách nhi m th c hi n các quy t ngh c a H i đ ng tr ng v nh ng n i dung đ c quy đ nh t i kho n 3 c a Đi u này. N u Hi u tr ng không nh t trí v i quy t ngh c a H i đ ng tr ng ph i k p th i báo cáo xin ý ki n c quan qu n lý giáo d c c p trên tr c ti p c a nhà tr ng. Trong th i gian ch ý ki n c a c quan có th m quy n, Hi u tr ng v n ph i th c hi n theo quy t ngh c a H i đ ng tr ng đ i v i nh ng v n đ không trái v i pháp lu t hi n hành và Đi u l này.

5. Thành lập Hội đồng trường trung học công lập:

Căn cứ các quy định của pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng trường lập danh sách nhân sự do tập thể giáo viên và các tổ chức, đoàn thể nhà trường giới thiệu, làm tờ trình đề nghị Trường phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS), Giám đốc sở giáo dục và đào tạo (đối với trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THPT) ra quyết định thành lập Hội đồng trường.

Chủ tịch Hội đồng trường do các thành viên của Hội đồng bầu; thủ ký do Chủ tịch Hội đồng chọn.

Nhiệm kỳ của Hội đồng trường là 5 năm. Hàng năm, nếu có yêu cầu đột xuất về việc thay đổi nhân sự, Hội đồng làm văn bản đề nghị người có thẩm quyền ra quyết định bổ sung, miễn toàn Hội đồng trường.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn, thành lập, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường của trường tổ chức được theo dõi theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học lo hình tổ chức.

Điều 21. Các hội đồng khác trong nhà trường**1. Hội đồng thi đua và khen thưởng**

Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập vào đầu mỗi năm học để giúp Hội đồng trường tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong nhà trường. Hội đồng thi đua khen thưởng do Hội đồng trường thành lập và làm Chủ tịch. Các thành viên của Hội đồng gồm: Phó Hội đồng trường, Bí thư cấp ủy Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có), Trường

ph ị trách Đ ị Thi ị u niên Ti ị n phong H ị Chí Minh (n ị u có), t ị tr ị ng t ị chuyên môn, t ị tr ị ng t ị văn phòng và các giáo viên ch ị nhi ị m l ị p.

2. H ị đ ị ng k ị lu ị t

a) H ị đ ị ng k ị lu ị t đ ị c thành l ị p đ ị xét ho ị c xoá k ị lu ị t đ ị v ị h ị c sinh theo t ị ng v ị v ị c. H ị đ ị ng k ị lu ị t do Hi ị u tr ị ng quy ị t đ ị nh thành l ị p và làm Ch ị t ị ch. Các thành viên c ị a H ị đ ị ng g ị m: Phó Hi ị u tr ị ng, Bí th ị Đoàn Thanh niên C ị ng s ị n H ị Chí Minh (n ị u có), T ị ng ph ị trách Đ ị Thi ị u niên Ti ị n phong H ị Chí Minh (n ị u có), giáo viên ch ị nhi ị m l ị p có h ị c sinh ph ị m l ị i, m ị t s ị giáo viên có kinh nghi ị m giáo d ị c và Tr ị ng ban đ ị i di ị n cha m ị h ị c sinh c ị a tr ị ng;

b) H ị đ ị ng k ị lu ị t đ ị c thành l ị p đ ị xét và đ ị ngh ị x ị lí k ị lu ị t đ ị v ị cán b ị , giáo viên, viên ch ị c khác theo t ị ng v ị v ị c. V ị c thành l ị p, thành ph ị n và ho ị t đ ị ng c ị a H ị đ ị ng này đ ị c th ị c hi ị n theo quy đ ị nh c ị a pháp lu ị t.

3. Hi ị u tr ị ng có th ị thành l ị p các h ị đ ị ng t ị v ị n khác theo yêu c ị u c ị th ị c ị a t ị ng công v ị c. Nhi ị m v ị , thành ph ị n và th ị i gian ho ị t đ ị ng c ị a các h ị đ ị ng này do Hi ị u tr ị ng quy đ ị nh.

Điề u 22. T ị ch ị c Đ ị ng C ị ng s ị n Vi ị t Nam và các đoàn th ị trong nhà tr ị ng

1. T ị ch ị c Đ ị ng C ị ng s ị n Vi ị t Nam trong nhà tr ị ng lãnh đ ị o nhà tr ị ng và ho ị t đ ị ng trong khuôn kh ị Hi ị n pháp và pháp lu ị t.

2. Công đoàn, Đoàn thanh niên C ị ng s ị n H ị Chí Minh, Đ ị Thi ị u niên Ti ị n phong H ị Chí Minh và các t ị ch ị c xã h ị khác trong nhà tr ị ng ho ị t đ ị ng theo quy đ ị nh c ị a pháp lu ị t nh ị m giúp nhà tr ị ng th ị c hi ị n m ị c tiêu, nguyên lý giáo d ị c.

Điề u 23. Qu ị n lý tài s ị n, tài chính

Vi c qu n lý tài chính, tài s n c a nhà tr ng ph i tuân theo các quy đ nh c a pháp lu t và các quy đ nh c a B Tài chính và B Giáo d c và Đào t o; m i thành viên c a tr ng có trách nhi m b o v tài s n nhà tr ng.

Ch ng III

CH NG TRÌNH VÀ CÁC HO T Đ NG GIÁO D C

Điề u 24. Ch ng trình giáo d c

1. Tr ng trung h c th c hi n ch ng trình giáo d c, k ho ch d y h c do B tr ng B Giáo d c và Đào t o ban hành; th c hi n k ho ch th i gian năm h c theo h ng d n c a B Giáo d c và Đào t o phù h p v i đi u ki n c th c a đ a ph ng.

2. Căn c ch ng trình giáo d c và k ho ch th i gian năm h c, nhà tr ng xây d ng k ho ch và th i khoá bi u đ i u hành ho t đ ng giáo d c, d y h c.

4. H c sinh khuy t t h c hòa nh p đ c th c hi n k ho ch d y h c linh ho t phù h p v i kh năng c a t ng cá nhân và Quy đ nh v giáo d c hòa nh p dành cho ng i khuy t t.

Điề u 25. Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài t p, thi t b d y h c và tài li u tham kh o

1. Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài t p và thi t b d y h c s d ng trong gi ng d y và h c t p t i tr ng trung h c do B tr ng B Giáo d c và Đào t o quy đ nh.

2. Nhà tr ng trang b tài li u tham kh o ph c v cho ho t đ ng gi ng d y và nghi n c u c a giáo viên; khuy n khích giáo viên s d ng tài li u tham kh o đ nâng cao ch t l ng d y h c. M i t ch c, cá nhân không đ c ép bu c h c sinh ph i mua tài li u tham kh o.

Điề u 26. Các ho ậ t đ ị ng giáo d ị c

1. Các ho ậ t đ ị ng giáo d ị c bao g ồ m ho ậ t đ ị ng trong gi ờ l ậ p và ho ậ t đ ị ng ngoài gi ờ l ậ p nh ằ m giúp h ọ c sinh phát tri ệ n toàn di ệ n v ề đ ồ o đ ị c, trí tu ệ , th ậ ch ậ t, th ậ m m ậ và các k ặ năng c ầ b ậ n, phát tri ệ n năng l ậ cá nh ậ n, t ậ năng đ ị ng và sáng t ậ o, xây đ ị ng t ậ cách và trách nhi ệ m công d ậ n; chu ậ n b ậ cho h ọ c sinh t ậ p t ậ c h ọ c l ậ n ho ậ c đ ị vào cu ộ c s ộ ng lao đ ị ng.

2. Ho ậ t đ ị ng giáo d ị c trong gi ờ l ậ p đ ị c t ậ n hành thông qua vi ệ c đ ị y h ọ c các môn h ọ c b ậ t bu ậ c và t ậ ch ậ n trong ch ộ ng tr ị ng giáo d ị c c ầ a c ầ p h ọ c do B ộ tr ị ng B ộ Giáo d ị c và Đ ầ o t ậ o ban hành.

3. Ho ậ t đ ị ng giáo d ị c ngoài gi ờ l ậ p bao g ồ m các ho ậ t đ ị ng ngo ậ i khoá v ề khoa h ọ c, văn h ọ c, ngh ệ thu ậ t, th ậ đ ị c th ậ thao, an toàn giao thông, phòng ch ậ ng t ậ n ậ n xã h ộ i, giáo d ị c gi ộ i t ậ t, giáo d ị c pháp lu ậ t, giáo d ị c h ộ ng nghi ệ p, giáo d ị c k ặ năng s ộ ng nh ằ m phát tri ệ n toàn di ệ n và b ậ i đ ị ng năng khi ệ u; các ho ậ t đ ị ng vui ch ậ i, tham quan, du l ậ ch, giao l ậ u văn hoá, giáo d ị c môi tr ị ng; ho ậ t đ ị ng t ậ thi ệ n và các ho ậ t đ ị ng xã h ộ i khác phù h ậ p v ề đ ị c đ ị m tâm sinh lý l ậ a tu ộ i h ọ c sinh.

Điề u 27. H ậ th ậ ng h ậ s ậ , s ậ sách v ề ho ậ t đ ị ng giáo d ị c

H ậ th ậ ng h ậ s ậ , s ậ sách theo d ị ho ậ t đ ị ng giáo d ị c trong tr ị ng g ồ m:

1. Đ ị i v ề i nh ậ tr ị ng:

a) S ậ đ ậ ng b ậ ;

b) S ậ theo d ị h ọ c sinh chuy ậ n đ ị , chuy ậ n đ ị n;

c) S theo dõi ph c p giáo d c;

d) S g i tên và ghi đi m;

đ) S ghi đ u bài;

e) H c b h c sinh;

g) S qu n lý c p phát văn b ng, ch ng ch ;

h) S ngh quy t c a nhà tr ng và ngh quy t c a H i đ ng tr ng;

i) H s thi đua;

k) H s ki m tra, đánh giá giáo viên và nhân viên;

l) H s k lu t;

m) S qu n lý và h s l u tr các văn b n, công văn đi, đ n;

n) S qu n lý tài s n, thi t b giáo d c;

o) S qu n lý tài chính;

p) Học sinh quản lý thời gian;

q) Học sinh theo dõi sức khỏe học sinh;

r) Học sinh giáo dục đời sống học sinh khuyến khích (nếu có).

2. Đối với tổ chuyên môn: Sơ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn.

3. Đối với giáo viên:

a) Giáo án (bài soạn);

b) Sơ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, đồng nghiệp, thăm lớp;

c) Sơ điểm cá nhân;

d) Sơ công nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chuyên nhiệm lớp).

Điều 28. Đánh giá kết quả học tập của học sinh

1. Học sinh được kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo Quy chế đánh giá và xếp loại học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

đ p c a nhà tr ng, huy đ ng các ngu n l c đ giúp đ nhà tr ng trong vi c th c hi n m c tiêu, nguyên lý giáo d c.

Ch ng IV

GIÁO VIÊN

Điề u 30. Giáo viên tr ng trung h c

Giáo viên tr ng trung h c là ngu i làm nhi m v gi ng d y, giáo d c trong nhà tr ng, g m: Hi u tr ng, Phó Hi u tr ng, giáo viên b môn, giáo viên làm công tác Đoàn thanh niên C ng s n H Chí Minh (bí th , phó bí th ho c tr lý thanh niên, c v n Đoàn), giáo viên làm t ng ph trách Đ i Thi u niên Ti n phong H Chí Minh (đ i v i tr ng trung h c có c p ti u h c ho c c p THCS), giáo viên làm công tác t v n cho h c sinh.

Điề u 31. Nhi m v c a giáo viên tr ng trung h c

1. Giáo viên b môn có nh ng nhi m v sau đây:

a) D y h c và giáo d c theo ch ng trình, k ho ch giáo d c, k ho ch d y h c c a nhà tr ng theo ch đ làm vi c c a giáo viên do B tr ng B Giáo d c và Đào t o quy đ nh; qu n lý h c sinh trong các ho t đ ng giáo d c do nhà tr ng t ch c; tham gia các ho t đ ng c a t chuyên môn; ch u trách nhi m v ch t l ng, hi u qu giáo d c; tham gia nghiên c u khoa h c s ph m ng d ng;

b) Tham gia công tác ph c p giáo d c đ a ph ng;

c) Rèn luy n đ o đ c, h c t p văn hoá, b i d ng chuyên môn, nghi p v đ nâng cao ch t l ng, hi u qu gi ng d y và giáo d c; v n d ng các ph ng pháp d y h c theo h ng phát huy tính tích c c, ch đ ng và sáng t o, rèn luy n ph ng pháp t h c c a h c sinh;

d) Thực hiện Điều lệ nhà trường; thực hiện quy định của Hội đồng trường, chủ tịch kiểm tra, đánh giá của Hội đồng trường và các cấp quản lý giáo dục;

đ) Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo, giáo viên mẫu mực học sinh; thực hiện yêu cầu tôn trọng học sinh, đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; tạo môi trường học tập và làm việc dân chủ, thân thiện, hợp tác, an toàn và lành mạnh;

e) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên khác, gia đình học sinh, Đoàn Thanh niên Công xã hội Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong dạy học và giáo dục học sinh;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Giáo viên chủ nhiệm, ngoài các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 của Điều này, còn có những nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục theo hướng rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khoa học, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cá nhân và cộng đồng học sinh;

b) Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng;

c) Phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh, với các giáo viên bộ môn, Đoàn thanh niên Công xã hội Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội có liên quan trong việc học tập, giám sát việc học tập, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh lập mình chủ nhiệm và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường;

d) Nhận xét, đánh giá và xếp loại học sinh cuối kỳ và cuối năm học; đề nghị khen thưởng và kỷ luật học sinh; đề nghị danh sách học sinh được lên lớp tiếp theo, phải kiểm tra lại, phải rèn luyện thêm về học tập và nề nếp; hoàn chỉnh việc ghi sổ điểm và học bạ học sinh;

đ) Báo cáo trường học hoặc đợt xuất về tình hình của lớp với Hiệu trưởng.

3. Giáo viên tham gia giảng dạy cũng phải thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định trong hợp đồng giảng dạy.

4. Giáo viên làm công tác Đoàn thanh niên Công sở Hố Chí Minh là giáo viên trung học được bồi dưỡng về công tác Đoàn thanh niên Công sở Hố Chí Minh; có nhiệm vụ tổ chức, quản lý các hoạt động của tổ chức Đoàn trong nhà trường.

5. Giáo viên làm công tác Đội Thiếu niên Tiền phong Hố Chí Minh là giáo viên THCS được bồi dưỡng về công tác Đội Thiếu niên Tiền phong Hố Chí Minh; có nhiệm vụ tổ chức, quản lý các hoạt động của tổ chức Đội trong nhà trường.

6. Giáo viên làm công tác tư vấn cho học sinh là giáo viên trung học được đào tạo hoặc bồi dưỡng về nghiệp vụ tư vấn; có nhiệm vụ tư vấn cho cha mẹ học sinh và học sinh để giúp các em vượt qua những khó khăn gặp phải trong học tập và sinh hoạt.

Điều 32. Quy định của giáo viên

1. Giáo viên có những quy định sau đây:

a) Được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh;

b) Đôn đốc học sinh nắm vững quy định về vệ sinh thân thể, tinh thần và đôn đốc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo;

c) Đôn đốc trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức tham gia quản lý nhà trường;

d) Đôn đốc học sinh học tập và rèn luyện (nếu có) khi đôn đốc cần đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hiện hành;

đ) Đôn đốc cần tham gia các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

e) Đôn đốc học sinh tham gia thi đua và nghiên cứu khoa học tại các trường và các sở giáo dục khác nếu thời gian rảnh rỗi nhằm nâng cao chất lượng công tác giảng dạy và đôn đốc sinh viên ý của Hiệu trưởng;

g) Đôn đốc bảo vệ nhân phẩm, danh dự, an toàn thân thể;

h) Đôn đốc học sinh các quy định khác theo quy định của pháp luật.

2. Giáo viên chức nhiệm ngoài các quy định quy định tại khoản 1 của Điều này, còn có những quy định sau đây:

a) Đôn đốc các giờ học, hoạt động giáo dục khác của học sinh lớp mình;

b) Đôn đốc các cuộc họp của Hội đồng khen thưởng và Hội đồng kỷ luật khi giữ kỷ luật nghiêm chỉnh và có liên quan đến học sinh của lớp mình;

c) Được cử các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề về công tác chuyên môn;

d) Được quy định cho phép cá nhân học sinh nghỉ học không quá 3 ngày liên tiếp;

đ) Được ghi miễn lên lớp hàng tuần theo quy định khi làm chuyên môn lớp.

3. Giáo viên làm công tác Đoàn Thanh niên Công xã n Hồ Chí Minh, từng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

4. Hiệu trưởng có thể phân công giáo viên làm công tác tư vấn chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Giáo viên làm công tác tư vấn được bố trí làm việc riêng và được vận dụng hưởng các chế độ chính sách hiện hành.

Điều 33. Trình độ chuẩn để đào tạo của giáo viên

1. Trình độ chuẩn để đào tạo của giáo viên được quy định như sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm để với giáo viên tiểu học;

b) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm để với giáo viên THCS;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp đại học và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm để với giáo viên THPT.

2. Giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này được nhà trường, cơ quan

quản lý giáo dục theo điều kiện học tập, bồi dưỡng để đạt trình độ chuẩn.

3. Giáo viên có trình độ trên chuẩn, có năng lực giáo dục cao để thực hiện chính sách theo quy định của Nhà nước, để các nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục theo điều kiện để phát huy tác dụng của mình trong giảng dạy và giáo dục.

Điều 34. Hành vi, ngôn ngữ của giáo viên

1. Hành vi, ngôn ngữ của giáo viên phải đúng mực, có tác động giáo dục đối với học sinh.
2. Trang phục của giáo viên phải chỉnh tề, phù hợp với hoạt động sư phạm, theo quy định của Chính phủ và trang phục của viên chức Nhà nước.

Điều 35. Các hành vi giáo viên không được làm

Giáo viên không được có các hành vi sau đây:

1. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể của học sinh và đang nghỉ phép.
2. Gian lận trong kiểm tra, thi cử, tuyển sinh; gian lận trong đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.
3. Xuyên tạc nội dung giáo dục; dạy sai nội dung kiến thức, không đúng với quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

4. Ép buộc học sinh học thêm để thu tiền.

5. Hút thuốc lá, uống rượu, bia và sử dụng các chất kích thích khác khi đang tham gia các hoạt động giáo dục; sử dụng điện thoại di động khi đang dạy học trên lớp.

6. Bỏ giờ, bỏ buổi dạy, tùy tiện cắt xén chương trình giáo dục.

Điều 36. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Giáo viên có thành tích sử dụng khen thưởng, được phong tặng các danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác.

2. Giáo viên có hành vi vi phạm quy định tại Điều lệ này thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương V

HỌC SINH

Điều 37. Tuổi học sinh trường trung học

1. Tuổi cấp học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi. Tuổi cấp học sinh vào học lớp 10 là 15 tuổi.

Đối với những học sinh được học vượt lớp cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học quá tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 6 và lớp 10 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi cấp năm tốt nghiệp cấp học trước.

2. Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài và nước có thể vào cấp học từ tuổi cao hơn 3 tuổi so với tuổi quy định.

3. Học sinh không được lưu ban quá 02 lần trong một cấp học.

4. Học sinh có thể học tốt và phát triển sớm và trí tuệ có thể vào học trường học hoặc học ở nhà trong phạm vi cấp học. Trường xem xét đối với trường trung học phổ thông để học theo các bước sau:

a) Cha mẹ hoặc người đỡ đầu có đơn đề nghị với nhà trường;

b) Hội đồng nhà trường thành lập hội đồng khảo sát, tổ chức gồm: các đại diện của Ban giám hiệu và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường; giáo viên dạy lớp học sinh đang theo học; giáo viên dạy lớp trên; nhân viên y tế;

c) Căn cứ kết quả khảo sát của hội đồng tổ chức, Hội đồng xem xét, quyết định.

5. Học sinh trong độ tuổi THCS, THPT ở nước ngoài và nước, con em người ở nước ngoài làm việc tại Việt Nam được học ở trường THCS hoặc trường THPT tại nơi cư trú hoặc trường THCS và THPT ở ngoài nơi cư trú nếu trường đó có khả năng tiếp nhận. Trường như sau:

a) Cha mẹ hoặc người đỡ đầu có đơn đề nghị với nhà trường;

b) Hội đồng nhà trường tổ chức khảo sát trình độ của học sinh và xếp vào lớp phù hợp.

Điề u 38. Nhi m v c a h c sinh

1. Th c hi n nhi m v h c t p, rèn luy n theo ch ng tr nh, k ho ch giáo d c c a nhà tr ng.
2. Kính tr ng cha m , th y giáo, cô giáo, cán b , nhân viên c a nhà tr ng và nh ng ng i l n tu i; đoàn k t, giúp đ l n nhau trong h c t p, rèn luy n; th c hi n đi u l , n i quy nhà tr ng; ch p hành pháp lu t c a Nhà n c.
3. Rèn luy n thân th , gi gìn v sinh cá nhân.
4. Tham gia các ho t đ ng t p th c a tr ng, c a l p, c a Đ i Thi u niên Ti n phong H Chí Minh, Đoàn Thanh niên C ng s n H Chí Minh; giúp đ gia đình và tham gia các công tác xã h i nh ho t đ ng b o v môi tr ng, th c hi n tr t t an toàn giao thông.
5. Gi gìn, b o v tài s n c a nhà tr ng, n i công c ng; góp ph n xây d ng, b o v và phát huy truy n th ng c a nhà tr ng.

Điề u 39. Quy n c a h c sinh

1. Đ c bình đ ng trong vi c h ng th giáo d c toàn di n, đ c b o đ m nh ng đi u ki n v th i gian, c s v t ch t, v sinh, an toàn đ h c t p l p và t h c a nhà, đ c cung c p thông tin v vi c h c t p c a mình, đ c s d ng trang thi t b , ph ng ti n ph c v các ho t đ ng h c t p, văn hoá, th thao c a nhà tr ng theo quy đ nh.
2. Đ c tôn tr ng và b o v , đ c đ i x bình đ ng, dân ch , đ c quy n khi u n i v i nhà tr ng và các c p qu n lý giáo d c v nh ng quy t đ nh đ i v i b n thân mình; đ c quy n h c chuy n tr ng khi có lý do chính đáng theo quy đ nh hi n hành; đ c h c tr c tu i, h c v t l p, h c tu i cao h n tu i quy đ nh theo Điề u 37 c a Điề u l này.

3. Đ ườ c tham gia các ho ầ t đ ườ ng nh ữ m phát tri ể n năng khi ồ u v ớ các môn h ữ c, th ể thao, ngh ề thu ồ t do nhà tr ườ ng t ồ ch ồ c n ườ có đ ể đi ồ u ki ể n; đ ườ c giáo d ồ c k ể năng s ồ ng.

4. Đ ườ c nh ữ n h ữ c b ồ ng ho ầ c tr ồ c ồ p khác theo quy đ ồ nh đ ể i v ớ i nh ữ ng h ữ c sinh đ ườ c h ồ ng chính sách xã h ồ i, nh ữ ng h ữ c sinh có khó khăn v ớ đ ể i s ồ ng và nh ữ ng h ữ c sinh có năng l ồ c đ ồ c bi ồ t.

5. Đ ườ c h ồ ng các quy ồ n khác theo quy đ ồ nh c ồ a pháp lu ồ t.

Điề u 40. Hành vi, ngôn ngữ ồ ng x ồ , trang ph ồ c c ồ a h ữ c sinh

1. Hành vi, ngôn ngữ ồ ng x ồ c ồ a h ữ c sinh trung h ữ c ph ồ i đ ồ m b ồ o tính văn hoá, phù h ồ p v ớ i đ ồ o đ ồ c và l ồ i s ồ ng c ồ a l ồ a tu ồ i h ữ c sinh trung h ữ c.

2. Trang ph ồ c c ồ a h ữ c sinh ph ồ i ch ồ nh t ồ , s ồ ch s ồ , g ồ n gàng, thích h ồ p v ớ i đ ồ tu ồ i, thu ồ n ti ồ n cho vi ồ c h ữ c t ồ p và sinh ho ầ t ồ nhà tr ườ ng.

Tu ồ đi ồ u ki ể n c ồ a t ồ ng tr ườ ng, Hi ồ u tr ườ ng có th ồ quy ồ t đ ồ nh đ ồ h ữ c sinh m ồ c đ ồ ng ph ồ c theo tiêu chu ồ n do B ồ Giáo d ồ c và Đ ồ o t ồ o quy đ ồ nh n ườ đ ườ c nhà tr ườ ng và Ban đ ể i đi ồ n cha m ồ h ữ c sinh c ồ a tr ườ ng đ ồ ng ý.

Điề u 41. Các hành vi h ữ c sinh không đ ườ c làm

1. Xúc ph ồ m nhân ph ồ m, danh d ồ , xâm ph ồ m thân th ồ giáo viên, cán b ồ , nhân viên c ồ a nhà tr ườ ng, ng ồ i khác và h ữ c sinh khác.

2. Gian l ồ n trong h ữ c t ồ p, ki ồ m tra, thi c ồ , tuy ồ n sinh.

3. Làm vi c khác; s d ng đi n tho i di đ ng ho c máy nghe nh c trong gi h c; hút thu c, u ng r u, bia và s d ng các ch t kích thích khác khi đang tham gia các ho t đ ng giáo d c.

4. Đánh nhau, gây r i tr t t , an ninh trong nhà tr ng và n i công c ng.

5. L u hành, s d ng các n ph m đ c h i, đ i tru ; đ a thông tin không lành m nh lên m ng; ch i các trò ch i mang tính kích đ ng b o l c, tình d c; tham gia các t n n xã h i.

Điề u 42. Khen th ng và k lu t

1. H c sinh có thành tích trong h c t p và rèn luy n đ c nhà tr ng và các c p qu n lý giáo d c khen th ng b ng các hình th c sau đây:

a) Khen tr c l p, tr c tr ng;

b) Khen th ng cho h c sinh tiên ti n, h c sinh gi i;

c) C p gi y ch ng nh n, gi y khen, b ng khen, n u đ t thành tích trong các k thi, h i thi theo quy đ nh c a B Giáo d c và Đào t o;

d) Các hình th c khen th ng khác.

2. H c sinh vi ph m khuy t đ m trong quá trình h c t p, rèn luy n có th đ c khuyên răn ho c x lý k lu t theo các hình th c sau đây:

a) Phê bình trực tiếp, trực tiếp trường;

b) Khiển trách và thông báo với gia đình;

c) Cảnh cáo ghi hồ sơ;

d) Buộc thôi học có thời hạn.

Chương VI

TÀI SẢN CỦA TRƯỜNG

Điều 43. Địa điểm, diện tích của trường

1. Trường học là một khu riêng biệt đặt trong môi trường thuận lợi cho giáo dục. Trường phải có tường bao quanh, có cổng trường và biển trường.

2. Tổng diện tích sân chơi của trường phải thi đấu theo tiêu chuẩn quy định, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Điều 44. Các khối công trình của trường

1. Phòng học, phòng học bộ môn

a) Phòng học:

- Có đủ phòng học đủ học sinh như là hai ca trong một ngày;
- Phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định;
- Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết và đủ điện khí và ánh sáng, thoáng mát.

b) Phòng học bộ môn: Thực hiện theo Quy định và tiêu chuẩn phòng học bộ môn do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Khu phức vụ học tập gồm nhà tập đa năng, thể thao, phòng hoạt động Đoàn - Đội, phòng truyền thống.

3. Khu hành chính - quản trị.

Gồm phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường, phòng các tổ chuyên môn, phòng y tế trường học, nhà kho, phòng thủ công mỹ nghệ, phòng của các tổ chức Đoàn, đoàn thể ...

4. Khu sân chơi, bãi tập.

Có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sàn xây dựng của trường, khu sân chơi có hoa, cây bóng mát và đầm ao hồ sinh; khu bãi tập có đủ thiết bị luyện tập thể dục thể thao và đảm bảo an toàn.

5. Khu vực sinh và học thông cập thoát nước.

a) Khu vực sinh được bố trí hợp lý theo từng khu làm việc, học tập cho giáo viên và học sinh, riêng cho nam, nữ, có đủ nước, ánh sáng, đảm bảo vệ sinh, không làm ô nhiễm môi trường;

b) Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực theo quy định về vệ sinh môi trường.

6. Khu đỗ xe: Bố trí hợp lý trong khuôn viên trường, đảm bảo an toàn, trật tự, vệ sinh.

7. Có hệ thống hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học.

Chương VII

QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Điều 45. Trách nhiệm của nhà trường

Nhà trường phải chủ động phối hợp thông xuyên và chặt chẽ với gia đình và xã hội để xây dựng môi trường giáo dục thống nhất nhằm thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Điều 46. Ban đại diện cha mẹ học sinh

1. Mọi lớp có một Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức trong một năm học gồm các thành viên do cha mẹ, người giám hộ học sinh cử ra để phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo

Điều lệ trường THPT

Vị trí bài Super Administrator

Thứ ba, 17 Tháng 5 2011 15:03 -

viên bộ môn trong việc giáo dục học sinh.

2. Mọi trường có một Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức trong mỗi năm học gồm một số thành viên do các Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp cử ra để phối hợp với nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp, từng trường trung học thực hiện theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Điều 47. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Nhà trường phối hợp với chính quyền, đoàn thể địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức chính trị - xã hội và cá nhân có liên quan như:

1. Thực hiện quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu giáo dục.

2. Huy động mọi lực lượng và nguồn lực của cộng đồng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, góp phần xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục của nhà trường; xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, ngăn chặn những hoạt động có hại học sinh; tạo điều kiện để học sinh được vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao lành mạnh phù hợp với lứa tuổi.

..... **KT.**
BỘ TRƯỞNG

.....
THỦ TRƯỞNG

Nguy n Vinh Hi n